| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUỲNH PHỤ**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2018
V/v *xin ly hôn giữa*
*Chị O - Anh T*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***: Ông **Nguyễn Minh Đức**.

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

- Ông **Trần Quang Đương;**
- Bà **Nguyễn Thị Đoan**.

***- Th- ký phiên toà:*** Bà **Nguyễn Thị Khánh Vi** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà***: Bà **Lê Thị Huệ**- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 79/2018/HNGĐ-ST ngày 13/4/2018 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX-ST ngày 11/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyễn đơn: Chị **Teo Thị O**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện P, tỉnh L.
Bị đơn: Anh **Đỗ Xuân T**, sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh B.
*(Tại phiên tòa có mặt chị O, anh T vắng mặt và có đơn xin xử án vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**T**rong đơn xin ly hôn được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai ngày 13/4/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Teo Thị O trình bày: Chị và anh Đỗ Xuân T tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quỳnh Hải vào ngày 11/3/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã H và lao động tự do. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Khoảng tháng 6/2008 mâu thuẫn căng thẳng, chị O trở về xã M sinh sống, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh T.

- Về con cái: Chị O khai chị và anh T không có con chung, hiện tại chị không có thai con chung.

- Về tài sản chung: Chị O khai chị và anh T không có tài sản chung,không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đ**ối với bị đơn là anh Đỗ Xuân T: Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xử án vắng mặt đề ngày 22/6/2018 anh T trình bày: Anh xác nhận lời khai của chị O về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn anh cũng nhất trí ly hôn chị O. Về con chung và tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có con chung; không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đ**ại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên toà hôm nay việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, th- ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn xin xử án vắng mặt, nên Viện kiểm sát không đ- a ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Về quan hệ hôn nhân xử cho chị O được ly hôn anh T vì mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên sống ly thân thời gian dài. Chị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1].Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú và đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh B. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã đ- ợc Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2].Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Teo Thị O và anh Đỗ Xuân T đ- ợc xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã H, huyện Q, tỉnh B vào ngày 11/3/2008 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả hai đều sinh sống tại xã H và lao động tự do. Quá trình chung sống giữa chị O và anh T tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tháng 6/2008 mâu thuẫn căng thẳng, chị O trở về L sinh sống, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị O đề nghị được ly hôn anh T. Đối với anh T trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa và tiến hành lấy lời khai của anh T, nhưng anh T có đơn đề nghị xin xử án vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa gải đ- ợc. Trong nội dung đơn và biên bản ghi lời khai, anh T cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí xin thuận tình ly hôn. Như vậy anh T không có thiện chí

hoà giải mối quan hệ hôn nhân. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị O và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị O, xử cho chị O được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3].Về con cái: Chị O và anh T đều xác nhận vợ chồng không có con chung, chị O không có thai con chung.

[4].Về tài sản: Chị O và anh T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy phần tài sản Toà án không xét.

[5].Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.*

***1.Về quan hệ hôn nhân***: Xử cho chị Teo Thị O được ly hôn anh Đỗ Xuân T.

***2.Về án phí****:* Chị Teo Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị O đã nộp theo biên lai thu số 0003600 ngày 13/4/2018 thành tiền án phí.

***4.Về quyền kháng cáo***: Chị O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã xã H, huyện Q, tỉnh B* ;
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
**Nguyễn Minh Đức** *(đã ký)*